

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019-2020

Khoa: Công nghệ Thông tin

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: An ninh mạng														
1	17C1-ANM1	15		0	0,00	0	0,00	14	93,33	0	0,00	1	6,67	0
2	19C1-ANM1	19	1	0	0,00	0	0,00	6	31,58	6	31,58	0	0,00	7
CỘNG 02 Lớp		34	1	0	0,00	0	0,00	20	58,82	6	17,65	1	2,94	7
Ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính														
1	17C1-CMT1	47	1	0	0,00	0	0,00	42	89,36	4	8,51	1	2,13	0
2	18C1-CMT1	39		4	10,26	10	25,64	16	41,03	9	23,08	0	0,00	0
3	19C1-CMT1	43		0	0,00	1	2,33	5	11,63	19	44,19	4	9,30	14
CỘNG 03 Lớp		129	1	4	3,10	11	8,53	63	48,84	32	24,81	5	3,88	14
Ngành: Thiết kế đồ họa														
1	18C1-TKĐ1	52	7	10	19,23	14	26,92	22	42,31	6	11,54	0	0,00	0
2	19C1-TKĐ1	58	10	0	0,00	3	5,17	8	13,79	34	58,62	3	5,17	10
3	19C1-TKĐ2	47	4	0	0,00	1	2,13	1	2,13	32	68,09	1	2,13	12
CỘNG 03 Lớp		157	21	10	6,37	18	11,46	31	19,75	72	45,86	4	2,55	22
Ngành: Thương mại điện tử														
1	18C1-TMĐ1	11	2	0	0,00	0	0,00	5	45,45	6	54,55	0	0,00	0
CỘNG 01 Lớp		11	2	0	0,00	0	0,00	5	45,45	6	54,55	0	0,00	0
Ngành: Thiết kế trang Web														
1	17C1-TKW1	15	1	0	0,00	0	0,00	11	73,33	3	20,00	1	6,67	0
2	19C1-TKW1	35	3	0	0,00	2	5,71	4	11,43	19	54,29	4	11,43	6
CỘNG 02 Lớp		50	4	0	0,00	2	4,00	15	30,00	22	44,00	5	10,00	6



S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	17C1-THU1	17	1	0	0,00	1	5,88	16	94,12	0	0,00	0	0,00	0
2	18C1-THU1	27	2	3	11,11	4	14,81	6	22,22	14	51,85	0	0,00	0
CỘNG 02 Lớp		44	3	3	6,82	5	11,36	22	50,00	14	31,82	0	0,00	0
Ngành: Lập trình máy tính														
1	17C1-LTM1	19	1	0	0,00	0	0,00	18	94,74	0	0,00	1	5,26	0
2	17C1-LTM2	28	3	0	0,00	0	0,00	24	85,71	4	14,29	0	0,00	0
3	18C1-LTM1	33	1	2	6,06	1	3,03	10	30,30	19	57,58	1	3,03	0
4	18C1-LTM2	32		1	3,13	0	0,00	3	9,38	26	81,25	2	6,25	0
5	19C1-LTM1	65		0	0,00	1	1,54	8	12,31	41	63,08	6	9,23	9
CỘNG 05 Lớp		177	5	3	1,69	2	1,13	63	35,59	90	50,85	10	5,65	9
Ngành: Mạng máy tính, Quản trị mạng máy														
1	17C1-QTM1	27	4	0	0,00	1	3,70	24	88,89	1	3,70	1	3,70	0
2	18C1-QTM1	34	4	1	2,94	1	2,94	3	8,82	27	79,41	2	5,88	0
3	19C1-QTM1	50	2	0	0,00	0	0,00	2	4,00	29	58,00	2	4,00	17
4	18C2-QTM1	43	2	0	0,00	4	9,30	9	20,93	19	44,19	1	2,33	10
5	19C2-QTM1	41	1	7	17,07	1	2,44	15	36,59	13	31,71	0	0,00	5
CỘNG 05 Lớp		195	13	8	4,10	7	3,59	53	27,18	89	45,64	6	3,08	32
Trung cấp														
Ngành: An ninh mạng														
1	18T4-ANM1	37	3	7	18,92	14	37,84	13	35,14	3	8,11	0	0,00	0
2	19T4-ANM1	28	2	0	0,00	1	3,57	1	3,57	26	92,86	0	0,00	0
3	19T4-ANM2	32	2	0	0,00	1	3,13	4	12,50	23	71,88	4	12,50	0
CỘNG 03 Lớp		97	7	7	7,22	16	16,49	18	18,56	52	53,61	4	4,12	0
Ngành: Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy														
1	17T4-CMT1	20		0	0,00	1	5,00	4	20,00	15	75,00	0	0,00	0
2	18T4-CMT1	48		0	0,00	0	0,00	1	2,08	41	85,42	6	12,50	0
3	19T4-CMT1	57	1	0	0,00	1	1,75	5	8,77	43	75,44	8	14,04	0
4	19T4-CMT2	30	2	0	0,00	0	0,00	2	6,67	28	93,33	0	0,00	0
CỘNG 04 Lớp		155	3	0	0,00	2	1,29	12	7,74	127	81,94	14	9,03	0

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Thiết kế đồ họa														
1	18T4-TKĐ1	42	12	2	4,76	4	9,52	16	38,10	20	47,62	0	0,00	0
2	18T4-TKĐ2	32	8	0	0,00	2	6,25	0	0,00	29	90,63	1	3,13	0
3	19T4-TKĐ1	60	20	0	0,00	0	0,00	13	21,67	46	76,67	1	1,67	0
4	19T4-TKĐ2	65	27	0	0,00	0	0,00	6	9,23	52	80,00	7	10,77	0
CỘNG 04 Lớp		199	67	2	1,01	6	3,02	35	17,59	147	73,87	9	4,52	0
Ngành: Thiết kế trang Web														
1	17T4-TKW1	20		2	10,00	2	10,00	13	65,00	3	15,00	0	0,00	0
2	18T4-TKW1	30	5	0	0,00	0	0,00	3	10,00	25	83,33	2	6,67	0
3	19T4-TKW1	61	11	0	0,00	2	3,28	3	4,92	55	90,16	1	1,64	0
CỘNG 03 Lớp		111	16	2	1,80	4	3,60	19	17,12	83	74,77	3	2,70	0
Ngành: Thương mại điện tử														
1	19T4-TMĐ1	25	12	1	4,00	3	12,00	9	36,00	12	48,00	0	0,00	0
CỘNG 01 Lớp		25	12	1	4,00	3	12,00	9	36,00	12	48,00	0	0,00	0
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	17T4-THU1	47	13	6	12,77	10	21,28	12	25,53	17	36,17	2	4,26	0
2	18T4-THU1	42	11	3	7,14	1	2,38	2	4,76	36	85,71	0	0,00	0
3	19T4-THU1	57	16	1	1,75	2	3,51	23	40,35	31	54,39	0	0,00	0
CỘNG 03 Lớp		146	40	10	6,85	13	8,90	37	25,34	84	57,53	2	1,37	0
Ngành: Lập trình máy tính														
1	17T4-LTM1	31	2	1	3,23	0	0,00	3	9,68	27	87,10	0	0,00	0
2	18T4-LTM1	33	1	0	0,00	3	9,09	10	30,30	20	60,61	0	0,00	0
3	18T4-LTM2	30	4	0	0,00	1	3,33	1	3,33	25	83,33	2	6,67	1
4	19T4-LTM1	62	6	0	0,00	0	0,00	14	22,58	46	74,19	2	3,23	0
5	19T4-LTM2	57	3	1	1,75	0	0,00	3	5,26	50	87,72	3	5,26	0
CỘNG 05 Lớp		213	16	2	0,94	4	1,88	31	14,55	168	78,87	7	3,29	1



S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Quản trị mạng máy tính														
1	17T4-QTM1	43	3	1	2,33	1	2,33	2	4,65	39	90,70	0	0,00	0
2	18T4-QTM1	44	1	1	2,27	3	6,82	5	11,36	35	79,55	0	0,00	0
3	19T4-QTM1	61	4	0	0,00	3	4,92	9	14,75	48	78,69	1	1,64	0
4	19T2-QTM1	53	7	2	3,77	1	1,89	17	32,08	11	20,75	3	5,66	19
CỘNG 04 Lớp		201	15	4	1,99	8	3,98	33	16,42	133	66,17	4	1,99	19
50	TỔNG CỘNG (50 LỚP)	1944	226	56	2,88	101	5,20	466	23,97	1137	58,49	74	3,81	110

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

- Từ TB trở lên	1760	90,53
- Yếu	74	3,81
- Không xếp loại	110	5,66